

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST

Ngày: 07-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Mai Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM, ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Phan Đức Tú, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là người đại diện theo pháp luật.

2. Anh Thái Công T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 492, đường 30/4, Khu phố 5, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 148/UQ-BIDV.TNI, ngày 23-4-2018).

- Bị đơn:

1. Anh Võ Văn T2, sinh năm 1969;

2. Chị Võ Thị T3, sinh năm 1973;

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T, xã P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Anh T, anh T2 có mặt; chị T3 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Thái Công T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD, ngày 04-8-2015 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T (gọi tắt là Ngân hàng). Nội dung hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận như:

- Số tiền vay gốc: 100.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh Javen.
- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày Hợp đồng tín dụng có hiệu lực.
- Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng.
- Lãi suất nợ quá hạn: 120% lãi suất trong hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.
- Phương thức trả nợ gốc: Thanh toán nợ gốc vào ngày 04-8-2016.
- Phương thức trả lãi vay: Thanh toán theo định kỳ vào ngày 10 tây hàng tháng.

Tài sản để đảm bảo cho nợ vay: Anh T2, chị T3 có thể chấp Quyền sử dụng đất diện tích 320 m², tờ bản đồ số 29, thửa đất số 507 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 199868, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09868 được UBND huyện Tân Châu cấp ngày 07-6-2010 do anh Võ Văn T2, chị Võ Thị T3 đứng tên đăng ký sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/5.628.473/HĐBĐ, ngày 15-8-2014. Việc thế chấp được công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến nay anh T2 và chị T3 có trả được tiền lãi suất đến ngày 14-6-2016 với tổng số tiền 7.775.000 đồng, sau đó không tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng nữa, khi đến hạn trả nợ gốc (ngày 04-8-2016) anh T2, chị T3 cũng không thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng, mặc dù giữa Ngân hàng và anh T2, chị T3 có thỏa thuận phương án trả nợ nhưng không được.

Do anh T2, chị T3 đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu chị T3 và anh T2 có nghĩa vụ trả tiền vay gốc và tiền lãi suất đến nay (ngày 07-9-2018), tổng cộng 124.295.000 đồng (trong đó tiền vay gốc 100.000.000 đồng; tiền lãi suất trong hạn 20.475.000 đồng, tiền lãi quá hạn 3.820.000 đồng); ngoài ra yêu cầu anh T2, chị T3 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD, ngày 04-8-2015 cho đến khi trả xong tiền vay gốc.

Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho tiền vay yêu cầu Tòa án xử lý như sau: Sau khi anh T2, chị T3 trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho anh T2, chị T3 Quyền sử dụng đất diện tích 320 m², tờ bản đồ số 29, thửa

đất số 507 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 199868, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09868 được UBND huyện Tân Châu cấp ngày 07-6-2010 do anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 đứng tên đăng ký sử dụng. Nếu anh T2, chị T3 không trả được số tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn T2 có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh với chị Võ Thị T3 là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố không công nhận giữa anh với chị T3 là vợ chồng vào ngày 11-12-2015 theo Bản án số 106/2015/HNGĐ-ST. Trước khi anh với chị T3 ly hôn thì anh, chị có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD, ngày 04-8-2015. Anh thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng về nội dung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết.

Để đảm bảo cho số tiền vay trên anh và chị T3 có thể chấp Quyền sử dụng đất diện tích 320 m², tờ bản đồ số 29, thửa đất số 507 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 199868, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09868 được UBND huyện T cấp ngày 07-6-2010 do anh và chị T3 đứng tên đăng ký sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/5.628.473/HĐBĐ ngày 15-8-2014. Việc thế chấp được công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến ngày 14-6-2016 anh chỉ trả được tiền lãi suất tổng cộng 7.775.000 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả tiền lãi suất và tiền vay gốc cho đến nay. Nay qua yêu cầu của Ngân hàng thì anh đồng ý cùng chị T3 có nghĩa vụ trả tiền vay gốc cùng tiền lãi suất theo yêu cầu của Ngân hàng tổng cộng là 124.295.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay cho Ngân hàng. Nếu anh và chị T3 không trả được cho Ngân hàng số tiền trên thì anh và chị đồng ý giao tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/5.628.473/HĐBĐ, ngày 15-8-2014 để bán đấu giá trả số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T3 vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng chị Võ Thị T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T3 là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T với anh Võ Văn T2 thống nhất là anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD, ngày 04-8-2015 là đúng trình tự theo quy định pháp luật. Do anh T2 và chị T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu anh, chị phải trả số tiền vay gốc cùng tiền lãi suất tổng cộng 124.295.000 đồng, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh T2 đồng ý trả số tiền vay gốc và tiền lãi suất theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng do chị T3 vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Buộc anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vay gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi suất 24.295.000 đồng; tổng cộng 124.295.000 đồng.

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Chị Võ Thị T3 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T3.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD, ngày 04-8-2015 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T với anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 thì thời hạn trả nợ đến ngày 04-8-2016, đến hạn do anh T2, chị T3 không trả được nợ nên ngày 23-4-2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần B nộp đơn khởi kiện anh T2, chị T3 tại tòa án. Căn cứ Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005, thì vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD, ngày 04-8-2015 hai bên thỏa thuận nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên trong quá trình làm việc giữa Ngân hàng và anh T2 thống nhất sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Do đó căn cứ Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T với anh Võ Văn T2, chị Võ Thị T3 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5.628.473/HĐTD,

ngày 04-8-2015, theo đó anh T2, chị T3 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; trong hợp đồng có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả khi vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào các Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T với anh Võ Văn T2, chị Võ Thị T3 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về hợp đồng tín dụng đã ký kết với anh T2, chị T3 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì thời hạn trả nợ là ngày 04-8-2016, tuy nhiên do anh T2, chị T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay gốc và tiền lãi suất, từ khi ký hợp đồng tín dụng anh T2, chị T3 chỉ thanh toán được số tiền lãi suất 7.775.000 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán tiền vay gốc 100.000.000 đồng cùng tiền lãi suất còn lại cho Ngân hàng, do đó có đủ cơ sở khẳng định anh T2, chị T3 đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, mặc dù giữa Ngân hàng với anh T2, chị T3 có thỏa thuận về cách xử lý nợ nhưng không được. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh T2, chị T3 thanh toán tiền vay gốc và tiền lãi suất, tổng cộng 124.295.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 04-8-2015 là có căn cứ, phù hợp với Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T2 đồng ý trả số tiền vay gốc và tiền lãi suất tổng cộng 124.295.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B nhưng do chị T3 vắng mặt không có ý kiến nên cần buộc anh T2, chị T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 24.295.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/5.628.473/HĐBĐ ngày 15-8-2014 giữa Ngân hàng với anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3, thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay 100.000.000 đồng, anh T2 và chị T3 đã thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 320 m², tờ bản đồ số 29, thửa đất số 507 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 199868, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09868 được UBND huyện T cấp ngày 07-6-2010 do anh T2, chị T3 đứng tên đăng ký sử dụng. Khi thế chấp tài sản trên giữa Ngân hàng với anh T2, chị T3 có lập văn bản thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP, do đó Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/5628473/HĐBĐ ngày 15-8-2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh T với anh Võ Văn T2, chị Võ Thị T3 là hợp pháp và vẫn có hiệu lực pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với anh Võ Văn T2, chị Võ Thị T3 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi suất

24.295.000 đồng, tổng cộng 124.295.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 122, Điều 355, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi suất 24.295.000 đồng; tổng cộng 124.295.000 (một trăm, hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07-9-2018), anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì lãi suất mà khách hàng (anh T2, chị T3) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/5.628.473/HĐBĐ ngày 15-8-2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh tỉnh T với anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh T2, chị T3 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được bán tài sản đảm bảo để trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 320 m², tờ bản đồ số 29, thửa đất số 507 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 199868, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09868 được UBND huyện Tân Châu cấp ngày 07-6-2010 do anh T2 và chị T3 đứng tên đăng ký sử dụng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Võ Văn T2 và chị Võ Thị T3 phải chịu 6.215.000 (sáu triệu, hai trăm mười năm nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B 3.004.500 (ba triệu, không trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0025466 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, anh Võ Văn T2 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Võ Thị T3 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc